TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HS-ST
Ngày: 06-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và bà Tô Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 19/8/19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: xxx; Con ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 19xx (ông H tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước) và bà Hà Thị B, sinh năm 19xx; Có vợ là Nguyễn Thị Q, sinh năm 19xx và 02 con, con lớn sinh năm 20xx, con nhỏ sinh năm 20xx; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 01/2010/HSPT ngày 15/01/2010 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", đã thi hành xong án phí dân sự ngày 13/4/2011, đã được xoá án tích; Bị tạm giữ từ ngày 04/11/2025 đến ngày 10/11/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trương Thanh T, sinh ngày 07/10/19xx, Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: xxx;

Con ông Trương Sỹ T, sinh năm 19xx (ông T được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước) và Nguyễn Thị Y (đã chết); Có vợ là Lê Thị D, sinh năm 19xx và 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Trương Tiến M, sinh ngày 12/8/19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: xxx; Con ông Trương Tiến D, sinh năm 19xx và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx; Có vợ là Trần Thị C, sinh năm 19xx và 02 con, con lớn sinh năm 20xx, con nhỏ sinh năm 20xx; Tiền án: Bản án số 19/2022/HSST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma Ty", chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2024, nộp xong án phí ngày 28/6/2022; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Trương Sỹ H, sinh ngày 01/9/19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân:xxx; Con ông Trương Sỹ H và bà Trương Thị G (đều đã chết); Có vợ là Trần Thị D, sinh năm 19xx và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 07 ngày 06/3/1993 của Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xử phạt 50.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản" (đã nộp tiền phạt ngày 07/3/1993). Bản án số 841 ngày 14/6/1996 của Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phúc thẩm phạt 08 năm tù về tội "Hiếp dâm", chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2000, đình chỉ miễn thi hành án phí số 63 ngày 23/9/2009, chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự ngày 01/10/2025, đã được xóa án tích; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Trương Thanh T, sinh ngày 08/8/19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: xxx; Con ông Trương Sỹ T, sinh năm 19xx (ông T được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước) và bà Nguyễn Thị Y (đã chết); Có vợ là Lương Thị T, sinh năm 19xx và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/11/2025 đến ngày 10/11/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Vũ Trung S, sinh ngày 03/3/19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: xxx; Con ông Vũ Trung A, sinh năm 19xx và bà Lê Thị M, sinh năm 19xx; Có vợ là Trương Thị D, sinh năm 19xx và 04 con, con lớn sinh năm 19xx, con nhỏ sinh năm 20xx; Nhân thân: Từ năm 1993 đến năm 1995 tham gia nghĩa vụ Q sự, đóng Q tại Trung đoàn 568 thuộc huyện Tiền Hải; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/11/2025 đến ngày 10/11/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Trương Sỹ H, sinh ngày 30/4/19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: xxx; Con ông Trương Sỹ S (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx; Có vợ là Trần Thị H, sinh năm 19xx và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021. Gia đình bị cáo đang thờ cúng liệt sỹ Trương Sỹ Q là bác ruột bị cáo; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 2766 ngày 17/11/2017 của Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" (đã nộp tiền phạt ngày 22/11/2017); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2025 đến ngày 17/11/2025 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Trương Văn Q, sinh ngày 26/6/19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: xxx; Con ông Trương Văn S (đã chết) và bà Trương Thị X, sinh năm 19xx; Có vợ là Vũ Thị Quỳnh T sinh năm 19xx và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 145 ngày 25/10/2013 của Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" (đã nộp tiền phạt ngày 31/10/2013). Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 139 ngày 22/8/2017 của Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" (đã nộp tiền phạt ngày 26/8/2017); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2025 đến ngày 17/11/2025 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Trương Sỹ T, sinh ngày 14/10/19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: xxx; Con ông Trương Sỹ C (đã chết - ông Chúng được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước) và bà Trương Thị T, sinh năm 19xx; Có vợ là Trần Thị Hồng D, sinh năm 19xx và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày

01/11/2025 đến ngày 10/11/2025, thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Trương Sỹ T, sinh ngày 06/9/19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: xxx; Con ông Trương Sỹ M (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 19xx; Có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 19xx và 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2002; Nhân thân: Tháng 8/1985 đến tháng 01/1989 tham gia nghĩa vụ Q sự tại Đại đội 4, Trung đoàn 14; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/11/2025 đến ngày 10/11/2025 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Vũ Đại D, sinh ngày 14/01/19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: 034084013134; Con ông Vũ Xuân H, sinh năm 19xx và bà Lê Thị L (đã chết); Có vợ là Đoàn Thị G, sinh năm 19xx và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. Vũ Trung Đ, sinh ngày 20/10/19xx, Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: xxx; Con ông Vũ Trung N và bà Lê Thị U (đều đã chết); Có vợ là Ngô Thị P, sinh năm 19xx và 03 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1988; Nhân thân: Từ năm 1978 đến năm 1982 tham gia nghĩa vụ Q sự tại Trung đoàn 771; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**** Người chứng kiến:*** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 01/11/2025, Vũ Trung Đ tổ chức ăn liên hoan lên nhà mới tại thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên, trong đó có Trương Văn Q, Trương Thanh T, Trương Thanh T, Vũ Trung S, Trương Sỹ H, Trương Tiến M, Trương Sỹ H, Vũ Đại D và Trường Sỹ T. Đến khoảng 19 giờ 30 phút, sau khi ăn xong, đang ngồi uống nước ở sân nhà Đ, thì Q, T, S, H, M, T thấy ở bàn uống nước bên cạnh có 04 Q vị được cắt từ Q bài tép T lơ khơ nên cùng rủ nhau đánh bạc ăn

tiền dưới hình thức đánh sóc đĩa. M và H đi đến rổ bát đĩa mới rửa của nhà Đ lấy 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, lau khô rồi để lại vị trí mặt bàn uống nước chỗ để 4 Q vị. Vì nghĩ rằng Đ không cho chơi trong nhà Đ, nên S cầm bộ bát đĩa sứ mà H, M vừa lau khô và 4 Q vị ra khu vực đường bê tông trước cửa nhà Đ, H cầm theo 01 chiếc đèn pin lấy ở gần khu vực rửa bát ra để soi lấy ánh sáng chơi, vì khu vực đó tối không có điện. Ra đến khu vực đường bê tông trước cửa nhà Đ, cách khoảng 100m, T lấy 01 tấm thảm xốp và 01 tấm bìa carton ở đống gạch gần đó để xuống đường làm chỗ ngồi đánh bạc. Lúc đầu chơi có M, H, T, Q, T, S, trong đó cả nhóm thống nhất để T cầm cái và mức cược tối thiểu là 50.000 đồng/ván, không quy định mức cược tối đa. Quá trình chơi, các đối tượng thỏa thuận thống nhất cách chơi như sau: Người cầm cái bỏ 04 (bốn) Q vị, có hai mặt: màu xanh và màu đen trắng vào chiếc bát, đĩa sứ màu trắng, rồi dùng tay xóc nhiều lần, đặt xuống chiếu cho người chơi đặt cược, trong lòng người cầm cái là cửa chẵn, ngoài là cửa lẻ. Sau đó tất cả người chơi cùng đặt cược, sau khi đặt xong người cầm cái mở bát, ai đặt trúng cửa sẽ được người cầm cái trả thưởng số tiền tương đương số tiền đặt cược theo tỉ lệ 01/01, người nào đặt không trúng người cầm cái sẽ thu hết tiền. Cửa chẵn được quy định là khi mở bát ra bốn mặt đều lật cùng màu đen trắng hoặc xanh gọi là tứ tử, khi mở bát ra hai Q vị màu xanh và hai Q vị màu đen trắng gọi sấp đôi. Cửa lẻ được quy định khi mở bát ra có ba Q vị màu xanh và một Q vị màu đen trắng gọi là ba xanh hoặc khi mở bát ra có ba Q vị màu đen trắng và một Q vị màu xanh gọi là ba đen. Quá trình tham gia đánh bạc, T cầm đèn pin đeo đầu do H mang ra soi đèn cho mọi người lấy ánh sáng. Đến khoảng 20 giờ, Nguyễn Xuân Đ đi bộ đến gần khu vực nhà Đ, thấy những người trên đang đánh bạc cược thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa nên Đ vào đánh bạc cùng, Đ tham gia đặt cửa mấy ván rồi cầm cái thay T. Mọi người chơi tiếp khoảng 15 đến 20 phút thì Đ, D, H, T đi từ trong nhà Đ đi ra và tham gia đánh bạc cùng. Đ cầm cái được một lúc do thua hết tiền nên Đ chuyển cái lại cho T, T cũng đưa đèn cho H cầm để soi cho mọi người. Trong những người trên có Đ và D chơi vài ván, hết tiền nên về nhà trước. Đến khoảng 20 giờ 45 phút, thì Trương Sỹ T đến nhà Đ chơi, sau đó cũng đi ra và tham gia chơi cùng. Đến khoảng 21 giờ 05 phút cùng ngày bị tổ công tác của Công an xã T phát hiện, bắt quả tang, bắt giữ được T, S, T, T, còn M, H, Q, Đ, T, H bỏ chạy. Đến ngày 04/11/2025 Đ ra đầu thú; ngày 09/11/2025 Đ, D, T, M ra đầu thú; ngày 14/11/2025 Q, H, H ra đầu thú. Quá trình bỏ chạy không ai cầm theo tiền đánh bạc, tất cả vẫn để ở dưới chiếu.

Quá trình bắt quả tang Công an xã T thu giữ tại chiếu bạc số tiền 7.150.000 đồng (bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 Q vị hình tròn được cắt từ Q bài T lơ khơ, 01 đèn pin

đeo đầu bằng nhựa màu xanh, 01 tấm bìa các tông hình vuông, 01 thảm xốp. Quá trình điều tra xác định các bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc như sau: Nguyễn Xuân Đ khoảng 2.100.000 đồng, Trường Thanh T khoảng 2.000.000 đồng, Trương Sỹ M khoảng 1.000.000 đồng, Trương Sỹ T 700.000 đồng, Vũ Trung S 100.000 đồng, Trương Sỹ H 200.000 đồng, Trương Văn Q 100.000 đồng, Trương Thanh T 300.000 đồng, Trương Sỹ T 500.000 đồng, Vũ Đại D 300.000 đồng, Vũ Trung Đ 50.000 đồng, Trương Sỹ H 100.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 1776/KL-KTHS ngày 03/12/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: *"52 tờ tiền cần giám định là tiền thật"*.

Cáo trạng số 82/CT-VKSKV7 ngày 26/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trương Thanh T, Trương Tiến M, Trương Sỹ H, Trương Thanh T, Vũ Trung S, Trương Sỹ H, Trương Văn Q, Trương Sỹ T, Trương Sỹ T, Vũ Đại D, Vũ Trung Đ về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố. Riêng bị cáo S khai không cầm bát đĩa từ nhà bị cáo Đ ra vị trí các bị cáo đánh bạc nhưng bị cáo thừa nhận có hành vi đánh bạc ngày 01/11/2025, có tham gia đánh bạc từ đầu và thừa nhận các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố do bị cáo khai và bị cáo viết là đúng. Các bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trương Thanh T, Trương Tiến M, Trương Sỹ H, Trương Thanh T, Vũ Trung S, Trương Sỹ H, Trương Văn Q, Trương Sỹ T, Trương Sỹ T, Vũ Đại D, Vũ Trung Đ phạm tội "Đánh bạc".

- Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Tiến M từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thanh T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Sỹ H từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn Q từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thanh T từ 08 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

7. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Sỹ H từ 08 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

8. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Trung S từ 08 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

9. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều

51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Sỹ T từ 06 tháng đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

10. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Sỹ T từ 06 tháng đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

11. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Đại D từ 06 tháng đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trương Thanh T, Trương Sỹ H, Trương Văn Q, Trương Thanh T, Trương Sỹ H, Trương Sỹ T, Trương Sỹ T, Vũ Trung S, Vũ Đại D cho Uỷ ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

12. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Trung Đ từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Hưng Yên nhận được quyết định thi hành án. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Trung Đ cho Uỷ ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

- Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo S khai nhận quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị đe doạ ép buộc và bị cáo thừa nhận hành vi như bản luận tội đã kết luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên toà các bị cáo khai nhận, 20 giờ ngày 01/11/2025, tại khu vực ngõ đường bê tông cách nhà ở của bị cáo Vũ Trung Đ khoảng 100m tại thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên, các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trương Thanh T, Trương Tiến M, Trương Sỹ H, Trương Thanh T, Vũ Trung S, Trương Sỹ H, Trương Văn Q, Trương Sỹ T, Trương Sỹ T, Vũ Đại D, Vũ Trung Đ cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa, đến 21 giờ thì bị tổ công tác Công an xã T phát hiện, bắt quả tang thu giữ số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 7.150.000 đồng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người chứng kiến. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Bản kết luận giám định số 1776/KL-KTHS ngày 03/12/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên cùng tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của các bị cáo đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với tổng số tiền 7.150.000 đồng đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

Tội danh và hình phạt được quy định như sau:

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này

hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự an toàn công cộng, làm mất trật tự xã hội và là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội cũng như các tội phạm khác. Do đó việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với các bị cáo là đúng quy định của pháp luật nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng thống nhất tham gia đánh bạc tại địa điểm công cộng, không có ai thu hồ hay phân công người canh gác trong quá trình đánh bạc nên các bị cáo chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm về tội đánh bạc. Trong đó bị cáo Nguyễn Xuân Đ là người cầm cái và sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc nên xác định bị cáo giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo Trương Thanh T có thời gian cầm cái và các bị cáo Trương Tiến M, Trương Sỹ H, Trương Thanh T, Vũ Trung S chuẩn bị công cụ đánh bạc nên xác định các bị cáo giữ vai trò thứ hai, các bị cáo còn lại giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

[6] Xét các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về T tiết tăng nặng: Bị cáo M đã bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội mới nên bị cáo M bị áp dụng T tiết tăng nặng "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo khác không phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6.2] Về T tiết giảm nhẹ:

[6.2.1] Các bị cáo Nguyễn Xuân Đ năm 2010 đã bị kết án về tội sở hữu, bị cáo Trương Sỹ H năm 1996 bị kết án về tội xâm phạm danh dự nhân phẩm con người, tính đến thời điểm lần phạm tội này các bị cáo đã được xoá án tích thời gian dài, căn cứ khoản 9 Điều 2 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, lần phạm tội này các bị cáo Đ, H vẫn được áp dụng T tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trương Thanh T, Trương Thanh T, Vũ Trung S, Trương Sỹ H, Trương Văn Q, Trương Sỹ T, Trương Sỹ T, Vũ Đại D, Vũ Trung Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên toà các

bị cáo đều thành khẩn khai báo nên các bị cáo trên đều được hưởng các T tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6.2.2] Bị cáo Trương Tiến M trong quá trình điều tra thành khẩn khai báo nên được hưởng T tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6.2.3] Bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trương Thanh T, Trương Thanh T, Trương Sỹ T có bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; gia đình bị cáo Trương Sỹ H đang thờ cúng liệt sỹ Trương Sỹ Quang là bác ruột của bị cáo H; các bị cáo Vũ Trung S, Trương Sỹ T, Vũ Trung Đ có thời gian tham gia nghĩa vụ Q sự; các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trương Thanh T, Trương Tiến M, Trương Sỹ H, Trương Sỹ H, Trương Văn Q, Vũ Đại D, Vũ Trung Đ sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên các bị cáo Đ, T, M, H, T, S, H, Q, T, T, D, Đ được hưởng T tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo:

[7.1] Bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã một lần bị kết án về tội sở hữu, sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất, quá trình đánh bạc có lúc cầm cái nên cần xử phạt bị cáo mức án cao trong vụ án. Bị cáo Trương Sỹ H đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt và đã bị kết án về tội xâm phạm danh dự nhân phẩm con người và là người chuẩn bị công cụ đánh bạc. Bị cáo Q đã 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi cùng tính chất. Bị cáo T sử dụng số tiền đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án và trong quá trình đánh bạc có lúc cầm cái. Bị cáo Trương Tiến M có tiền án về tội phạm ma tuý và cùng chuẩn bị công cụ. Do đó, cần xử phạt các bị cáo H, Q, T, M mức án ngang nhau và thấp hơn bị cáo Đ. Bị cáo Trương Sỹ H đã bị xử phạt hành chính về hành vi cùng tính chất và có hành vi soi đèn pin cho các bị cáo đánh bạc, bị cáo Vũ Trung S chuẩn bị công cụ đánh bạc, bị cáo Trương Thanh T cầm thảm xốp và bìa carton làm chỗ ngồi đánh bạc và đưa đèn pin cho H nên xử phạt các bị cáo H, S, T mức án thấp hơn H, Q, T, M. Các bị cáo Trương Sỹ T, Trương Sỹ T, Vũ Đại D, Vũ Trung Đ tham gia với vai trò thấp nên xử phạt các bị cáo T, T, D, Đ mức án thấp nhất so với các bị cáo khác.

[7.2] Xét thấy, bị cáo Trương Tiến M năm 2022 bị xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học sửa chữa sai phạm mà lại tiếp tục phạm tội mới, sử dụng số tiền đánh bạc nhiều thứ 3 và là người chuẩn bị công cụ đánh bạc, vì vậy cần xử phạt cách ly bị cáo M ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trương Sỹ H đã được xoá án tích lâu năm, các bị cáo Trương Thanh T, Trương Thanh T, Vũ Trung S, Trương Sỹ H, Trương Văn Q, Trương Sỹ T, Trương Sỹ T, Vũ Đại D, Vũ Trung Đ đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, có nơi cư trú rõ ràng và đã nhận thức được sai phạm, vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần xem xét xử phạt các bị cáo trên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, riêng bị cáo Đ là người cao tuổi, tham gia đánh bạc với số tiền ít nhất nên phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ Đ bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm chung, tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai phạm trở thành công dân có ích cho xã hội như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo trong vụ án tham gia đánh bạc với số tiền không lớn, đều là lao động tự do, nhiều bị cáo cũng đã cao tuổi nên cần áp dụng mức hình phạt bổ sung là phạt tiền dưới khung quy định đối với các bị cáo. Bị cáo Đ là người cao tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đ.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 7.150.000 đồng thu giữ là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 Q vị hình tròn được cắt từ Q bài tép bài T lơ khơ, 01 đèn pin đeo đầu bằng nhựa màu xanh, 01 tấm bìa cát tông hình vuông, 01 tấm thảm xốp hình vuông màu ghi thu giữ của các bị cáo, các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[10] Về án phí: Bị cáo Trương Sỹ T và bị cáo Vũ Trung Đ là người cao tuổi nên miễn án phí cho các bị cáo. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trương Thanh T, Trương Tiến M, Trương Sỹ H, Trương Thanh T, Vũ Trung S, Trương Sỹ H, Trương Văn Q, Trương Sỹ T, Trương Sỹ T, Vũ Đại D, Vũ Trung Đ phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo 7.000.000 đồng.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Tiến M 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án. Phạt bổ sung đối với bị cáo 5.000.000 đồng.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thanh T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo 7.000.000 đồng.

2.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Sỹ H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo 5.000.000 đồng.

2.5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn Q 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo 5.000.000 đồng.

2.6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thanh T 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo 5.000.000 đồng.

2.7. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Sỹ H 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo 5.000.000 đồng.

2.8. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Trung S 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử

thách 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo 5.000.000 đồng.

2.9. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Sỹ T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo 5.000.000 đồng.

2.10. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Sỹ T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo 5.000.000 đồng.

2.11. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Đại D 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo 5.000.000 đồng.

Giao các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trương Thanh T, Trương Sỹ H, Trương Văn Q, Trương Thanh T, Trương Sỹ H, Trương Sỹ T, Trương Sỹ T, Vũ Trung S, Vũ Đại D cho Uỷ ban nhân dân xã T, tỉnh Hưng Yên nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2.12. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Trung Đ 01 năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Hưng Yên nhận được quyết định thi hành án và phạt bổ sung đối với bị cáo 5.000.000 đồng. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đ.

Giao bị cáo Vũ Trung Đ cho Uỷ ban nhân dân xã T, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện

theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 7.150.000 đồng đã được gửi vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 Q vị hình tròn, 01 đèn pin, 01 tấm bìa cát tông, 01 tấm thảm xốp (Các vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/02/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Hưng Yên).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trương Thanh T, Trương Tiến M, Trương Sỹ H, Trương Thanh T, Vũ Trung S, Trương Sỹ H, Trương Văn Q, Trương Sỹ T, Vũ Đại D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Trương Sỹ T và Vũ Trung Đ.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/3/2026.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Diệu Thúy

Nơi nhận:
- TAND - VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- Phòng THADS KV7, tỉnh Hưng Yên;
- Các bị cáo;
- UBND xã T, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu HCTP.